

Mô hình đào tạo giáo viên kĩ thuật liên thông từ người có trình độ kĩ năng nghề

Cao Danh Chính

Email: caochinhktv@gmail.com
Trưởng Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh
Số 117, Nguyễn Viết Xuân, Thành phố Vinh,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

TÓM TẮT: *Đội ngũ giáo viên nói chung và giáo viên kĩ thuật nói riêng là yếu tố quyết định chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, đào tạo giáo viên kĩ thuật hiện nay còn nhiều bất cập, hạn chế về quy mô, chất lượng và cơ cấu ngành nghề đào tạo giáo viên. Bài viết trình bày mô hình nhân cách của giáo viên kĩ thuật và mô hình đào tạo giáo viên kĩ thuật ở các trường đại học sư phạm kĩ thuật.*

TỪ KHÓA: Đào tạo liên thông, giáo viên kĩ thuật, trình độ kĩ năng nghề.

→ Nhận bài 17/4/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 15/5/2023 → Duyệt đăng 15/6/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12310603>

1. Đặt vấn đề

Giáo dục và đào tạo là yếu tố quyết định chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Trong hệ thống giáo dục đào tạo nói chung, hệ thống giáo dục nghề nghiệp nói riêng, giáo viên kĩ thuật đóng vai trò quyết định trực tiếp đến chất lượng đào tạo. Điều đó đã được khẳng định trong chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp, coi phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục là một trong những giải pháp trọng tâm quyết định đến sự phát triển và nâng cao chất lượng dạy nghề. Chính vì vậy, muốn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trước hết phải nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên dạy nghề nói chung và giáo viên kĩ thuật nói riêng. Tuy nhiên, trong thực tế, đội ngũ giáo viên kĩ thuật và đào tạo giáo viên kĩ thuật còn nhiều bất cập, hạn chế. Theo Báo cáo của Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, cả nước có 83.959 giáo viên dạy nghề, trong đó giáo viên lĩnh vực kĩ thuật chiếm khoảng 60% và tỉ lệ giáo viên/học sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 1/28, cao hơn so với chuẩn quy định [1]. Theo Quy hoạch hệ thống giáo dục nghề nghiệp, đến năm 2030 cần có 67.000 nhà giáo và thu hút 50.000 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề tham gia vào giảng dạy các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp [2]. Hiện nay, giáo viên kĩ thuật chủ yếu được đào tạo ở 6 trường đại học sư phạm kĩ thuật và một số khoa, viện sư phạm kĩ thuật. Hàng năm, các đơn vị này đào tạo được khoảng từ 1000 - 1500 sinh viên sư phạm kĩ thuật. Như vậy, đến năm 2030 rất khó để đáp ứng được nhu cầu số lượng đội ngũ giáo viên kĩ thuật.

Thực tế đó đặt ra cho đào tạo giáo viên kĩ thuật bài toán cần phải giải quyết bên cạnh yêu cầu về số lượng là chất lượng kĩ năng nghề và cơ cấu giáo viên cho các ngành nghề mà các trường, khoa, viện sư phạm kĩ thuật chưa đào tạo được nhưng nhu cầu lại rất lớn và cấp

thiết [2]. Xuất phát từ đặc thù của đào tạo nghề, để giải quyết bài toán này cần thu hút những công nhân kĩ thuật lành nghề, các cán bộ kĩ thuật, các nghệ nhân, ... là lực lượng có năng lực thực hành nghề tốt, có kinh nghiệm nghề nghiệp để đào tạo liên thông thành giáo viên kĩ thuật đạt chuẩn trình độ. Đào tạo liên thông giáo viên kĩ thuật sẽ công nhận những kiến thức và kĩ năng đã có của người học, nhờ đó rút ngắn được thời gian đào tạo.

Hiện nay, đã có một số nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam về mô hình đào tạo giáo viên và giáo viên kĩ thuật. Về mô hình đào tạo giáo viên, các tác giả tập trung vào nghiên cứu mô hình nối tiếp hoặc song song [3], mô hình phát triển chuyên môn cho giáo viên phổ thông [4], [5]. Hay nghiên cứu về mô hình đào tạo giáo viên theo hướng tích hợp 3 phẩm chất: nhà giáo dục, nhà văn hóa, nhà khoa học [6]. Một số công trình nghiên cứu đề cập đến chuẩn nghề nghiệp của giáo viên và mô hình đào tạo giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp [7], [8].

Về mô hình đào tạo giáo viên kĩ thuật, tác giả Kim, Y. và Park, J. (2017) đã trình bày một số yếu tố quan trọng cần thiết cho đào tạo giáo viên kĩ thuật, bao gồm kiến thức chuyên môn, kĩ năng giảng dạy, quản lí lớp học và đạo đức nghề nghiệp [9]. Williams, P. J. et al. (2018) và Onwuka, E. et al. (2020) đã nghiên cứu về phương pháp tiếp cận định hướng năng lực trong đào tạo giáo viên kĩ thuật. Theo đó, tác giả đã cung cấp danh sách các năng lực cần thiết của giáo viên kĩ thuật và đề xuất cấu trúc chương trình đào tạo giáo viên kĩ thuật dựa trên các năng lực đó [10], [11]. Các tác giả Selevko, G. K. và Selevko, E. V. (2018) đã nghiên cứu về mô hình chương trình đào tạo giáo viên kĩ thuật và nghề nghiệp. Nghiên cứu xác định một số yếu tố cần thiết cho chương trình đào tạo giáo viên kĩ thuật bao gồm các năng lực hành nghề, phương pháp giảng dạy và các hoạt động thực tiễn [12]. Một số nghiên cứu về mô hình đào tạo giáo

viên kỹ thuật theo mô hình kép, kết hợp giữa đào tạo ở các trường đại học kỹ thuật với đào tạo tại doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp [13].

Ở Việt Nam, đã có những nghiên cứu về mô hình đào tạo giáo viên dạy nghề liên thông từ công nhân kỹ thuật [14], [15]. Mô hình đào tạo giáo viên dạy nghề từ đầu vào là học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, đại học kỹ thuật và tốt nghiệp cao đẳng nghề [16]. Mặc dù các công trình nghiên cứu cả trong và ngoài nước về mô hình đào tạo giáo viên khá nhiều, song kết quả nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở việc đề xuất mô hình đào tạo tổng quát và chủ yếu là mô hình đào tạo giáo viên phổ thông. Giáo viên kỹ thuật có nhiều đặc thù riêng về mô hình nhân cách. Hơn nữa, đối tượng đầu vào đào tạo giáo viên kỹ thuật cũng rất đa dạng. Vì vậy, nghiên cứu đào tạo giáo viên kỹ thuật theo mô hình liên thông từ đối tượng là người có kỹ năng nghề là hết sức cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu

Phương pháp nghiên cứu: Để thực hiện nghiên cứu này, tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu lý luận như: phân tích - tổng hợp lý thuyết, hệ thống hóa lý thuyết nhằm tổng quan những hướng nghiên cứu chính về mô hình đào tạo giáo viên và mô hình đào tạo giáo viên kỹ thuật qua các công bố khoa học trên các tạp chí. Việc lựa chọn tài liệu được triển khai dựa trên 3 tiêu chí sau: 1/ Là nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn về mô hình đào tạo giáo viên và giáo viên kỹ thuật; 2/ Là công bố khoa học có chỉ số DOI hoặc ISSN, ISBN; 3/ Là nghiên cứu từ năm 2006 trở lại đây và các văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực thi hành.

Dữ liệu: Nguồn dữ liệu được lấy từ: Internet, báo cáo thống kê và các bài viết của các tác giả đi trước có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

2.2. Một số khái niệm cơ bản

Giáo viên kỹ thuật: Theo Luật Giáo dục 2019: “Nhà giáo là người làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong cơ sở giáo dục” [17]. Nhà giáo giảng dạy ở cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục khác, giảng dạy trình độ sơ cấp, trung cấp gọi là giáo viên; nhà giáo giảng dạy từ trình độ cao đẳng trở lên gọi là giảng viên. Như vậy, giáo viên kỹ thuật là nhà giáo làm nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học. Chuyên môn của họ là giảng dạy các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật. Trong phạm vi bài viết này, khái niệm giáo viên kỹ thuật được hiểu là những người làm nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Người có trình độ kỹ năng nghề: Theo Luật Việc làm 2013: “Kỹ năng nghề quốc gia là quy định về kiến thức chuyên môn, năng lực thực hành và khả năng ứng dụng

kiến thức, năng lực đó vào công việc mà người lao động cần phải có để thực hiện công việc theo từng bậc trình độ kỹ năng của từng nghề” [18]. Người có kỹ năng nghề là những người có chuyên môn, năng lực thực hành và khả năng ứng dụng kiến thức, năng lực vào thực hiện công việc tại vị trí việc làm. Hiện nay, khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia gồm 5 bậc trình độ kỹ năng nghề từ bậc 1 đến bậc 5 dựa trên sự mô tả theo các tiêu chí về: tính chất, mức độ của công việc phải thực hiện và phạm vi, tình huống thực hiện công việc; mức độ linh hoạt và sáng tạo trong thực hiện công việc; sự phối hợp và trách nhiệm trong thực hiện các công việc [19].

Theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp thì nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trình độ đại học phải có trình độ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 trở lên [20], [21]. Như vậy, người có kỹ năng nghề trong bài viết này là những người có trình độ kỹ năng nghề bậc 3/5 trở lên theo Khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia.

Đào tạo liên thông: Là quá trình đào tạo cho phép công nhận và chuyển đổi kết quả học tập và rèn luyện của người học từ một trình độ này tới một hay một số trình độ khác hoặc trong các ngành khác nhau của cùng một trình độ thuộc hệ thống giáo dục và đào tạo. Đào tạo liên thông là biện pháp tổ chức đào tạo trong đó người học được sử dụng kết quả học tập đã có để học tiếp ở trình độ cao hơn cùng ngành đào tạo hoặc khi chuyển sang ngành đào tạo hay trình độ đào tạo khác [22]. Điều 38, Luật Giáo dục quy định: “Kết quả học tập môn học hoặc tín chỉ mà người học đại học tích lũy được khi theo học một chương trình giáo dục được công nhận để xem xét về giá trị chuyển đổi cho môn học hoặc tín chỉ tương ứng trong chương trình giáo dục khác khi người học chuyển ngành nghề đào tạo, chuyển hình thức học tập hoặc học lên ở cấp học, trình độ đào tạo cao hơn” [17].

Như vậy, đào tạo liên thông là quá trình đào tạo cho phép có thể công nhận và chuyển đổi kết quả học tập của người học từ nhóm nghề hoặc nghề này sang nhóm nghề hoặc nghề khác (liên thông ngang), từ cấp trình độ đào tạo này sang cấp trình độ đào tạo khác (liên thông dọc) và rộng ra là từ một cấp học, bậc học này sang cấp học, bậc học khác.

Mô hình đào tạo liên thông giáo viên kỹ thuật: Mô hình đào tạo giáo viên kỹ thuật là một mô hình lý thuyết, dùng ngôn ngữ để mô tả những nét đặc trưng của việc làm ra “sản phẩm đào tạo”, tức là sự thay đổi ở người học để phát triển những phẩm chất, năng lực của người giáo viên kỹ thuật. Mục tiêu của mô hình là làm sáng tỏ đối tượng nghiên cứu, là cách thức để đào tạo giáo viên kỹ thuật. Mô hình đào tạo giáo viên kỹ thuật bao gồm các yếu tố: đầu vào, chương trình đào tạo, phương thức và hình thức tổ chức đào tạo, quản lý và đầu ra của mô hình [16]. Mô hình đào tạo liên thông giáo viên kỹ thuật cho

phép công nhận và chuyển đổi kết quả học tập và rèn luyện của người học từ một trình độ này tới một hay một số trình độ khác hoặc trong các ngành khác nhau của cùng một trình độ thuộc hệ thống giáo dục và đào tạo.

2.3. Cơ sở đề xuất mô hình đào tạo giáo viên kĩ thuật từ người có trình độ kĩ năng nghề

2.3.1. Cơ sở pháp lí

Theo Điều 10, Luật Giáo dục [17], liên thông trong giáo dục là việc sử dụng kết quả học tập đã có để học tiếp ở các cấp học, trình độ khác cùng ngành, nghề đào tạo hoặc khi chuyển sang ngành, nghề đào tạo, hình thức giáo dục và trình độ đào tạo khác phù hợp với yêu cầu nội dung tương ứng, bảo đảm liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo trong giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg quy định về Đào tạo liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học hình thức chính quy và hình thức vừa làm vừa học [23].

Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng về việc đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030. Trong đó, Thủ tướng chỉ thị Bộ Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh liên thông giữa giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên, liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo; Rà soát các quy định theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định chưa thực sự tạo sự liên thông giữa các trình độ đào tạo... [24].

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Trong đó, quy định chuẩn tối thiểu của nhà giáo giảng dạy thực hành, tích hợp phải có trình độ kĩ năng nghề 3/5 [20], [21].

2.3.2. Cơ sở khoa học

- *Mô hình nhân cách của giáo viên kĩ thuật trình độ đại học*: Theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp thì nhà giáo giáo dục nghề nghiệp phải có kiến thức chuyên môn; kĩ năng nghề; nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; thực tiễn nghề nghiệp và kĩ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy; tổ chức được các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy [20], [21].

Giáo viên kĩ thuật ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Họ làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh/sinh viên học nghề, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Để hoàn thành được những nhiệm vụ này, giáo viên kĩ thuật phải có nhân cách của một nhà sư phạm. Tuy nhiên, điều khác biệt cơ bản giữa giáo viên kĩ thuật với giáo

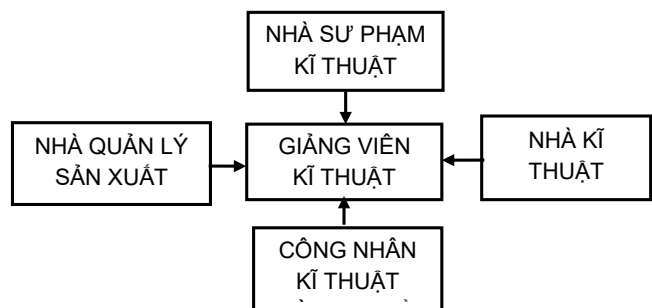
viên khác là ở chỗ họ dạy các kiến thức và kĩ năng nghề nghiệp cho học sinh/sinh viên, bởi vậy họ phải là *nhà sư phạm kĩ thuật*.

Giáo viên kĩ thuật giảng dạy học sinh trở thành những công nhân kĩ thuật lành nghề trong tương lai. Để làm được điều này, giáo viên kĩ thuật phải có trình độ tay nghề thành thạo và phải có nhân cách của *người công nhân kĩ thuật lành nghề*.

Với xu thế đào tạo nghề theo năng lực thực hiện, tích hợp giữa lí thuyết và thực hành, giáo viên kĩ thuật phải dạy cả lí thuyết lẫn thực hành nghề. Bởi vậy, họ phải là những nhà kĩ thuật. Để đào tạo công nhân kĩ thuật trình độ cao đẳng, giáo viên dạy nghề phải có nhân cách của một *nhà kĩ thuật trình độ đại học*.

Bên cạnh đó, trong quá trình dạy nghề, giáo viên kĩ thuật phải tổ chức và quản lí học sinh/sinh viên học thực hành ở trường cũng như ở xí nghiệp. Do vậy, giáo viên kĩ thuật đồng thời phải có nhân cách của một *nhà quản lí sản xuất*.

Với phương pháp tiếp cận như trên, mô hình nhân cách của giáo viên kĩ thuật trình độ đại học là “4 trong 1” và được mô tả như ở Sơ đồ 1 dưới đây:



Sơ đồ 1: Mô hình nhân cách giáo viên kĩ thuật trình độ đại học [14], [15].

Nhân cách sinh viên tốt nghiệp là sản phẩm của giáo dục. Để giáo viên kĩ thuật có được nhân cách “4 trong 1” nêu trên, với tiếp cận đào tạo theo năng lực thực hiện theo cấu trúc mô đun, cấu trúc nội dung đào tạo giáo viên kĩ thuật trình độ đại học có thể được mô tả theo các thành phần năng lực thực hiện (kiến thức, kĩ năng thái độ) như sau: Năng lực sư phạm kĩ thuật trình độ đại học; Năng lực thực hành nghề; Năng lực kĩ thuật trình độ đại học chuyên ngành; Năng lực quản lí sản xuất.

- *Mô hình đào tạo giáo viên kĩ thuật theo tiếp cận năng lực*: Mô hình đào tạo giáo viên kĩ thuật theo tiếp cận là mô hình đào tạo dựa chủ yếu vào tiêu chuẩn năng lực quy định cho giáo viên kĩ thuật và đào tạo theo các tiêu chuẩn đó. Mô hình đào tạo này thực chất là cách tiếp cận đào tạo “cung” đáp ứng “cầu” lực lượng lao động xã hội về số lượng, chất lượng và cơ cấu ngành nghề. Trong đào tạo, “cung” và “cầu” gặp nhau ở “tiêu

chuẩn đầu ra” của quá trình đào tạo.

2.3.3. Cơ sở thực tiễn

a. Thực trạng đào tạo giáo viên kỹ thuật trình độ đại học ở Việt Nam

Về số lượng đào tạo giáo viên kỹ thuật: Hiện nay, đào tạo giáo viên kỹ thuật chủ yếu được thực hiện theo mô hình nối tiếp và song song. Hàng năm, các trường đại học sư phạm kỹ thuật, các khoa và viện sư phạm kỹ thuật đào tạo được khoảng từ 1000 - 1500 sinh viên sư phạm kỹ thuật. Tuy nhiên, chỉ khoảng 30% sinh viên tốt nghiệp làm giáo viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Về chất lượng đào tạo giáo viên kỹ thuật: Với mô hình đào tạo giáo viên song song và nối tiếp trường đại học sư phạm kỹ thuật tuyển sinh học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đào tạo từ 3-4 năm để trở thành giáo viên kỹ thuật cũng bộc lộ nhiều bất cập, đặc biệt là kỹ năng thực hành nghề. Bởi vì, thời lượng dành cho dạy thực hành nghề trong chương trình đào tạo giáo viên kỹ thuật 4 năm ở các trường đại học sư phạm kỹ thuật ít hơn so với thời lượng dạy thực hành nghề ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hơn nữa, tuyển sinh học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông để đào tạo giáo viên kỹ thuật là vô cùng khó khăn. Bởi vậy, ở nhiều nước trên thế giới, các khoa sư phạm kỹ thuật của các trường đại học kỹ thuật tuyển công nhân kỹ thuật lành nghề đã tham gia sản xuất ở các doanh nghiệp ít nhất là 3 năm để đào tạo tiếp thành giáo viên kỹ thuật [8], [16].

Về cơ cấu đào tạo giáo viên kỹ thuật: Cơ cấu đào tạo giáo viên kỹ thuật ở nước ta trong thời gian qua đang ngày càng mất cân đối. Trong danh mục nghề đào tạo hiện hành có 897 nghề đào tạo trình độ trung cấp và 669 nghề đào tạo trình độ cao đẳng [25]. Trong đó, hơn 40% ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật. Tuy nhiên, các trường đại học sư phạm kỹ thuật mới chỉ đào tạo giáo viên cho khoảng 200 nghề trình độ trung cấp và 150 nghề trình độ cao đẳng. Như vậy, còn khoảng 500 nghề trình độ cao đẳng và gần 700 nghề trình độ trung cấp chưa có giáo viên được đào tạo bài bản [16]. Cơ cấu ngành nghề của giáo viên dạy nghề chưa hợp lý. Giáo viên dạy nghề chủ yếu tập trung ở các nhóm nghề đào tạo truyền thống như điện, điện tử, cơ khí, công nghệ ô tô, hàn, tin học, may mặc, các nhóm nghề đào tạo ở lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, xây dựng, dịch vụ vận tải, du lịch, thời trang...

Về hiệu quả đào tạo giáo viên kỹ thuật: Cả nước ta hiện có 6 trường đại học sư phạm kỹ thuật và một số khoa, viện sư phạm kỹ thuật có đào tạo giáo viên kỹ thuật. Hàng năm, đào tạo từ 1000 - 1500 giáo viên kỹ thuật cho khoảng 32 nghề. Việc tuyển sinh và đào tạo giáo viên kỹ thuật cho những nghề này đã thực hiện trong nhiều năm nên nhu cầu gần như đã bão hòa [16].

b. Kinh nghiệm quốc tế về đào tạo giáo viên kỹ thuật trình độ đại học và bài học cho Việt Nam

Mô hình đào tạo giáo viên kỹ thuật ở Hoa Kỳ: Ở Hoa

Kỳ, không có trường đại học sư phạm kỹ thuật. Tất cả các khoa có chương trình đào tạo giáo viên đều trực thuộc một trường đại học. Mô hình đào tạo giáo viên kỹ thuật từ học sinh trung học phổ thông có thời gian đào tạo 4 hoặc 5 năm và thực hành giảng dạy. Hình thức tổ chức đào tạo là song song hoặc nối tiếp ở cả bậc cử nhân và thạc sĩ. Năng lực của giáo viên được đánh giá qua một bài kiểm tra hoặc học qua chương trình đào tạo được Ủy ban kiểm định chất lượng giáo viên phê duyệt [16].

Đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, để trở thành giáo viên họ phải tham gia kì thi vào các ngành đào tạo giáo viên ở trường đại học đa ngành như mô hình đào tạo giáo viên của Đại học Texas Tech là mô hình trường chuyên ngành - trường giáo dục. Tức là, sau khi đã hoàn tất các tín chỉ chuyên môn tại một trường đại học thành viên của Đại học Texas Tech, những sinh viên sư phạm sẽ đăng kí học các môn nghiệp vụ ở trường đại học giáo dục. Thời gian cho việc học nghiệp vụ sư phạm tại trường giáo dục từ 1 - 2 năm tùy theo khả năng hoàn thành khối lượng học tập và thực tập của từng sinh viên, nhưng thời gian tối thiểu phải học tập và thực tập là 1 năm.

Đối với người tốt nghiệp đại học, muốn học chương trình để trở thành giáo viên phải đáp ứng 2 điều kiện: Thứ nhất, phải có bằng cử nhân một ngành học nào đó, Thứ hai, thi đỗ được vào chương trình đào tạo giáo viên qua kì thi kỹ năng học tập cốt lõi dành cho nhà giáo dục (Praxis). Thời gian của chương trình đào tạo giáo viên là 2 năm, gồm cả thời gian học trên lớp và đi thực tập (field work), có ít nhất 3 lần đi thực tập trong chương trình đào tạo. Khi thực tập sẽ có giáo viên của cơ sở dạy nghề (cooperative teacher) và giáo viên ở trường đại học (college supervisor) đến quan sát, chấm điểm, giúp đỡ, nhận xét.

Mô hình đào tạo giáo viên của Cộng hòa liên bang Đức: Trước năm 2000, giáo viên trường dạy nghề của Đức được đào tạo trong các trường đại học sư phạm nhưng sau năm 2000, giáo viên được đào tạo trong các trường đại học đa ngành và thực hiện theo tiêu chuẩn Châu Âu. Về chương trình đào tạo, chương trình khung do bang xây dựng. Trên cơ sở đó, các trường tự xây dựng chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo giáo viên của Đức rõ ràng, cụ thể cho cả 2 cấp trình độ cử nhân và thạc sĩ, trong đó cử nhân 6 - 8 học kì (180-240 tín chỉ), thạc sĩ 2 - 4 học kì (60-120 tín chỉ) [16].

Ở Đức, đào tạo giáo viên được diễn ra trong 2 giai đoạn. Giai đoạn 1, đào tạo trong trường đại học, sau kì thi tốt nghiệp với kì thi quốc gia thứ nhất. Các giáo viên mới ra trường được tham gia vào giai đoạn đào tạo giáo viên tập sự của các bang. Nét đặc thù của mô hình đào tạo giáo viên của Đức là mô hình phân 2 bậc nối tiếp và ngay trong chương trình đào tạo bậc cử nhân đã có nội dung về khoa học giáo dục và thực tiễn giáo dục nghề

ng nghiệp.

- *Mô hình đào tạo giáo viên kỹ thuật của Australia:* Đào tạo giáo viên kỹ thuật cấp 2 bằng (Combined/ Double Degree): Mô hình này đang được áp dụng tại các Trường Đại học Newcastle, Australia với đối tượng đầu vào là học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, chương trình đào tạo 4 năm cấu trúc song song và tích hợp giữa phần chuyên môn và sư phạm. Kết thúc chương trình này, sinh viên được cấp 2 bằng là bằng cử nhân giáo dục và cử nhân thiết kế và công nghệ (Bachelor of Teaching/Bachelor of Design and Technology).

Đào tạo giáo viên kỹ thuật 2 bậc: Mô hình này đang được áp dụng tại Trường Đại học Melbourne, đối tượng đầu vào là hoàn thành chương trình trung học phổ thông hoặc tương đương và có tối thiểu một năm làm việc thực tế trong nghề. Thời gian chương trình khóa đào tạo 2 năm cấp bằng Diploma về giáo dục và đào tạo (Diploma of Education and Training) và khóa đào tạo 3 năm cấp bằng cử nhân giáo dục và đào tạo (Bachelor of Education and Training). Mặc dù giáo viên dạy nghề ở Australi rất đa dạng, tuy nhiên phần lớn đều xuất phát từ các lĩnh vực công nghiệp do họ có trình độ nghề và kinh nghiệm sản xuất.

c. Một số kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam

Mô hình đào tạo kỹ thuật của các nước cũng hết sức đa dạng. Có thể nói, hiện nay không có một mô hình thống nhất mà phụ thuộc vào điều kiện cụ thể và truyền thống của từng quốc gia về đào tạo giáo viên kỹ thuật. Điểm chung nhất là mô hình đào tạo giáo viên kỹ thuật được thực hiện chủ yếu theo hai hình thức liên tục và nối tiếp (liên thông) nhưng điểm bắt buộc của các mô hình này là người vào học yêu cầu phải có nghề, nếu không thì trong thời gian học phải học dưới bất kỳ hình thức nào để đạt trình độ tay nghề trước khi trở thành giáo viên kỹ thuật.

2.4. Đề xuất mô hình đào tạo giáo viên kỹ thuật từ người có trình độ kỹ năng nghề

a. Đầu vào

Đầu vào của mô hình đào tạo giáo viên kỹ thuật trình độ đại học từ người có trình độ kỹ năng nghề là những người có trình độ kỹ năng nghề tối thiểu là bậc 3/5 theo khung kỹ năng nghề quốc gia [21]. Họ là công nhân kỹ thuật lành nghề, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân có nhu cầu và động cơ trở thành giáo viên kỹ thuật.

b. Chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo liên thông, công nhận và cho phép người học chuyển đổi kết quả học tập từ các chương trình đã học trước. Công nhận hoàn toàn trình độ kỹ năng nghề đạt chuẩn giáo viên kỹ thuật của đối tượng tuyển sinh đầu vào và xây dựng dựa trên tiếp cận chuẩn đầu ra.

- Về cấu trúc chương trình đào tạo:

Về kỹ năng nghề: Người học đã đạt trình độ kỹ năng

nghề đáp ứng tiêu chuẩn giáo viên dạy nghề. Do vậy, khối kỹ năng nghề được thừa nhận và chuyển đổi kết quả trong chương trình đào tạo.

Về năng lực sư phạm kỹ thuật: Khối kiến thức và kỹ năng này hoàn toàn mới đối với người học. Vì vậy, khối này phải được bố trí trong chương trình đào tạo để người học đạt chuẩn về năng lực sư phạm kỹ thuật.

Về năng lực quản lý sản xuất: Đây là khối kiến thức, kỹ năng cần thiết có trong chương trình đào tạo để người học có năng lực của nhà quản lý sản xuất.

Về năng lực kỹ thuật chuyên ngành trình độ đại học: Với khối này, người học đã được học một phần và họ cần phải học tiếp để đạt trình độ đại học.

Như vậy, cấu trúc chương trình đào tạo giáo viên kỹ thuật liên thông từ người có trình độ kỹ năng nghề gồm 3 khối chính: 1) Khối kiến thức kỹ thuật chuyên ngành trình độ đại học; 2) Kiến thức, kỹ năng quản lý sản xuất; 3) Khối kiến thức và kỹ năng sư phạm kỹ thuật cho các chuyên ngành khác nhau. Tuy nhiên, khối sư phạm kỹ thuật của các chuyên ngành khác nhau cũng đều xuất phát từ những cơ sở sư phạm kỹ thuật giống nhau như: Giáo dục học và tâm lý học đại cương; Các phương pháp và kỹ năng dạy học; Giáo dục học và tâm lý học ... Khung chương trình đào tạo giáo viên kỹ thuật trình độ đại học từ người có trình độ kỹ năng nghề được đề xuất ở Bảng 1:

Bảng 1: Khung chương trình đào tạo giáo viên kỹ thuật từ người có trình độ kỹ năng nghề

TT	Các khối kiến thức, kỹ năng	Số tín chỉ	Tỉ lệ %	Ghi chú
1	Khối đại cương (Lí luận chính trị, Tin học, Ngoại ngữ, Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội)	15	17.6	Bổ sung
2	Khối kỹ thuật chuyên ngành trình độ đại học (Cơ sở ngành và chuyên ngành)	30	35.3	Bổ sung
3	Khối quản lý sản xuất	10	11.8	Mới
4	Khối nghiệp vụ sư phạm kỹ thuật (Lí luận sư phạm kỹ thuật và thực hành sư phạm)	22	25.9	Mới
5	Đồ án/luận văn tốt nghiệp	8	9.4	Mới
Tổng cộng		85	100	

c. Hình thức tổ chức đào tạo

Đào tạo giáo viên kỹ thuật từ người có trình độ kỹ năng nghề được thực hiện theo hình thức song song (Lồng ghép đào tạo kỹ thuật chuyên ngành trình độ đại học, quản lý sản xuất và nghiệp vụ sư phạm kỹ thuật).

Để triển khai chương trình có hiệu quả, cần có sự phối hợp giữa các trường đại học sư phạm kỹ thuật, doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trong đó,

Bảng 2: Hình thức tổ chức đào tạo giáo viên kĩ thuật trình độ đại học từ người có trình độ kĩ năng nghề

TT	Các khối kiến thức, kĩ năng	Chủ trì	Phối hợp
1	Khối đại cương (Lí luận chính trị, Tin học, Ngoại ngữ, Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội)	Trường đại học sư phạm kĩ thuật	
2	Khối kĩ thuật chuyên ngành trình độ đại học (Cơ sở ngành và chuyên ngành)	Trường đại học sư phạm kĩ thuật	Doanh nghiệp
3	Khối kiến thức quản lí sản xuất	Trường đại học sư phạm kĩ thuật	Doanh nghiệp
4	Khối nghiệp vụ sư phạm kĩ thuật (Lí luận sư phạm kĩ thuật và thực hành sư phạm)	Trường đại học sư phạm kĩ thuật	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp
5	Đồ án/luận văn tốt nghiệp	Trường đại học sư phạm kĩ thuật	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp; doanh nghiệp

các trường đại học sư phạm kĩ thuật chủ trì tổ chức đào tạo, kết nối và trao đổi thông tin, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng. Doanh nghiệp có đủ điều kiện về máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại, đội ngũ cán bộ kĩ thuật có trình độ tham gia đào tạo một số phần kiến thức kĩ thuật chuyên ngành, công nghệ mới, quản lí sản xuất và kĩ năng mềm cho người học. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có môi trường giáo dục, đội ngũ giảng viên có nhiều kinh nghiệm, các ngành nghề và đối tượng dạy học phong phú tham gia vào đào tạo nghiệp vụ sư phạm kĩ thuật, đặc biệt là thực hành sư phạm kĩ thuật (xem Bảng 2).

d. Quản lí đào tạo

Để triển khai đào tạo giáo viên kĩ thuật theo mô hình liên thông từ người có kĩ năng nghề, các trường đại học sư phạm kĩ thuật cần hoàn thiện quy định về quản lí chương trình và quản lí đào tạo liên thông, cụ thể là:

Người học được vào và ra khỏi chương trình đào tạo ở các thời điểm khác nhau: Để xác định một người đã hoàn thành chương trình đào tạo, người ta căn cứ vào sự thông thạo được tất cả các năng lực thực hiện đã xác định hồ sơ năng lực của giáo viên kĩ thuật. Trong đào tạo theo năng lực thực hiện, người ta không đặt ra yêu cầu về thời lượng dành cho học tập bởi vì người học có thể học theo khả năng và nhịp độ của riêng mình, không phụ thuộc vào người khác, miễn là đủ thời gian để thông thạo được các năng lực thực hiện. Điều đó cho phép người học có thể vào học và kết thúc việc học ở các thời điểm khác nhau. Hồ sơ học tập của từng cá nhân và của tất cả mọi người học được lưu trữ đầy đủ.

Công nhận năng lực và kinh nghiệm đầu vào của người học trong đào tạo giáo viên kĩ thuật. Đào tạo giáo viên kĩ thuật từ người có trình độ kĩ năng nghề thực chất là quá trình tiếp nối, công nhận và chuyển đổi kết quả học tập từ các chương trình trước hoặc đánh giá công nhận kiến thức và kĩ năng đầu vào của người học trong chương trình đào tạo sư phạm kĩ thuật trình độ đại học.

Cần xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng (đảm bảo chất lượng bên trong và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo), hệ thống văn bằng nhằm đánh giá và công nhận trình độ đào tạo. Các quy định về việc công nhận chuyển đổi bằng cấp, chứng chỉ trong hệ thống đào tạo giáo viên kĩ thuật với các hệ thống đào tạo khác.

Đào tạo giáo viên kĩ thuật theo mô hình này cần đảm bảo nguyên tắc công bằng, dân chủ và công khai, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi người. Nguyên tắc này cần được quán triệt trong thủ tục tuyển chọn và tổ chức quá trình đào tạo liên thông.

e. Đầu ra của mô hình đào tạo giáo viên kĩ thuật từ người có kĩ năng nghề

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo giáo viên kĩ thuật từ người có trình độ kĩ năng nghề phải đạt được tất cả các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo giáo viên kĩ thuật trình độ đại học. Đầu ra của mô hình này là giáo viên kĩ thuật trình độ đại học, có phẩm chất và năng lực đáp ứng chuẩn nghề nghiệp ghi trong hồ sơ năng lực của giáo viên kĩ thuật ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Kết luận

Trong xu thế đổi mới và hội nhập của giáo dục, trong đó có đào tạo giáo viên kĩ thuật, việc chuyển đổi triết lí từ đào tạo một lần sang đào tạo nhiều lần, liên tục, nối tiếp; chuyển từ đào tạo theo một chương trình hoàn chỉnh, cứng nhắc sang đào tạo linh hoạt liên thông với nhiều đầu vào, đầu ra để đáp ứng nhu cầu và điều kiện của người học. Việc đào tạo giáo viên kĩ thuật liên thông từ người có trình độ kĩ năng nghề là xu thế tất yếu nhằm mở rộng nhanh chóng được ngành đào tạo giáo viên kĩ thuật, mở rộng quy mô đào tạo, nâng cao hiệu quả đào tạo giáo viên dạy nghề ở các trường đại học sư phạm kĩ thuật.

Tài liệu tham khảo

- [1] Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp, (2020), *Báo cáo giáo dục nghề nghiệp năm 2020*, NXB Thanh niên.
- [2] Thủ tướng Chính phủ, (10/20/2023), Quyết định số 73/

QĐ-TTg về *Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kì 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

- [3] Văn phòng Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực, (2020), *Mô hình đào tạo giáo viên A+B*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học.
- [4] Villegas-Reimers, E, (2003), *Teacher professional development: an international review of the literature*, Paris: International Institute for Educational Planning, pp.69-78.
- [5] Chikasanda, V. K. M., Otrell-Cass, K., Williams, J., & Jones, A, (2013), *Enhancing teachers' technological pedagogical knowledge and practices: A professional development model for technology teachers in Malawi*, International Journal of Technology and Design Education, No 23, pp.597-622.
- [6] Đinh Quang Báo, (2021), *Đổi mới mô hình đào tạo giáo viên*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Hùng Vương, Tập 22, Số 1, tr.46-54.
- [7] Nguyễn Danh Nam, *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và mô hình đào tạo giáo viên theo định hướng chuẩn*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 226(18), tr.3-11.
- [8] Phạm Hồng Quang - Hà Trần Phương - Nguyễn Danh Nam, (11/2019), *Mô hình đào tạo giáo viên của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục, số 466, kì 2, tr.6-11.
- [9] Kim, Y. - Park, J, (2017), *Developing a Framework for Effective Technical Teacher Education*, International Journal of Engineering Education, vol 33(1B), pp.488-496.
- [10] Williams, P. J. et al, (2018), *A competency-based approach to the design of a technology teacher education program*, Journal of Technology Education, vol 29 (1), pp.62-79.
- [11] Onwuka, E. et al, (2020), *The Development and Validation of a Model for Technical and Vocational Education and Training (TVET) Teacher Education*, International Journal of Emerging Technologies in Learning, 1 vol 5(7), pp.178-193.
- [12] Selevko, G. K - Selevko, E. V, (2018), *Model of the Training Program for Vocational and Technical Education Teachers*, International Journal of Engineering Pedagogy, vol 8(2), pp.126-140.
- [13] Zholdasbekova, S., Nurzhanbayeva, Z., Karatayev, G., Akhmet, L. S., & Anarmetov, B, (2016), *The Conceptual Model of Future Teachers Training to Dual Education in Vet (Vocational Education & Training)*, International Journal of Environmental & Science Education, vol 11(7), pp.532-1533.
- [14] Nguyễn Xuân Mai, (2006), *Xây dựng mô hình đào tạo liên thông giáo viên dạy nghề từ công nhân kỹ thuật*, Luận án Tiến sĩ.
- [15] Nguyễn Xuân Mai, (4/2007), *Giáo viên dạy nghề và các mô hình đào tạo giáo viên dạy nghề*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, số 6, tr.51-54.
- [16] Cao Danh Chính, (2018), *Nghiên cứu đổi mới mô hình đào tạo giáo viên ở các trường đại học sư phạm kỹ thuật đáp ứng nhu cầu giáo dục nghề nghiệp*, Đề tài Khoa học công nghệ cấp Bộ, Mã số: CB2017-04-07.
- [17] Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật số: 43/2019/QH14 Luật Giáo dục*.
- [18] Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật số: 38/2013/QH13 Luật Việc làm*.
- [19] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, (24/12/2015), *Thông tư số 56/2015/TT-BLĐTBXH ban hành Thông tư hướng dẫn việc xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia*.
- [20] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, (10/3/2017), *Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ban hành Thông tư quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp*.
- [21] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, (30/12/2020), *Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp*.
- [22] Bộ Giáo dục và Đào tạo (25/12/2012), *Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ban hành Thông tư quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học*.
- [23] Thủ tướng Chính phủ (31/5/2017), *Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học*.
- [24] Thủ tướng Chính phủ (25/5/2021), *Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 về việc Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030*.
- [25] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, (30/12/2020), *Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng*.

THE MODEL OF TECHNICAL TEACHER TRAINING TRANSFERRED FROM VOCATIONAL-SKILLED LEARNERS

Cao Danh Chính

Email: caochinhktv@gmail.com
 Vinh University of Technology Education
 117 Nguyen Viet Xuan, Vinh city,
 Nghe An province, Vietnam

ABSTRACT: *The teaching staff in general and technical teachers in particular are the determining factors in the training quality of vocational education institutions. However, the current training of technical teachers has many limitations in terms of scale, quality, and structure of the teacher training. This article aims at presenting the personality model of technical teachers and technical teacher training at universities of technology education.*

KEYWORDS: *Transfer training, technical teachers, vocational skills and knowledge.*